

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 276/2018/HSPT
Ngày 31 - 8 - 2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Y Thông Kbuôr

Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 221/2018/TLPT-HS ngày 05/7/2018 đối với các bị cáo Nguyễn Thế T1 và Hoàng Văn T2 về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thế T1, Hoàng Văn T2; của người bị hại anh Đinh Thanh H, anh Trần Quang P, anh Nguyễn Hiệp B, anh Bùi Phú A và có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bản án hình sự sơ thẩm số 125/2018/HSST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thế T1**, sinh năm 1976, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký NKTT: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi thường trú: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nguyên phóng viên đài tiếng nói N, khu vực T; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Hoài T (đã chết) và bà Vương Thị T (tên gọi khác: T); bị cáo có vợ là Lê Thị Bích T và có 02 con, con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2017 đến ngày 16/3/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam cho gia đình bảo lãnh - *Có mặt*.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn T2**, sinh năm 1982, tại tỉnh Yên Bái.

Nơi đăng ký NKTT: Bản S, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái; nơi thường trú: Đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; con ông Hoàng Quốc T và bà Nông Thị K; bị cáo có vợ là Hoàng Thị T và có 01 con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2017 cho đến nay - *Có mặt.*

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

- Người bị hại:

1. Anh Đinh Thanh H, sinh năm 1984; trú tại: Đường B, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt.*

2. Anh Trần Quang P, sinh năm 1988; trú tại: Đường G, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt.*

3. Anh Nguyễn Hiệp B, sinh năm 1985; trú tại: Đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt.*

4. Anh Bùi Phú A, sinh năm 1980; trú tại: Thôn D, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/10/2016 đến ngày 12/01/2017, Hoàng Văn T2 thường xuyên đến nhà ông Hồ Xuân M, tại địa chỉ: Đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để ăn nhậu và tham gia đánh bạc. Tại đây, T2 đã sử dụng điện thoại di động hiệu I Phone 6 quay lại được 05 đoạn video clip ghi cảnh những người tham gia đánh bạc tại nhà ông M, trong đó có anh Đoàn Văn Q, anh Nguyễn Hiệp B, anh Bùi Phú A và anh Trần Quang P đều là cán bộ phòng Cảnh sát giao thông X, anh Nguyễn Thế A là cán bộ Phòng hậu cần Cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Cứu nạn và cứu hộ X, anh Đinh Thanh H là cán bộ Phòng quản lý hành chính về Trật tự xã hội X. Đến khoảng tháng 07/2017, T2 nảy sinh ý định sử dụng các video clip đã quay được để uy hiếp, đe dọa các cán bộ Công an đang tham gia đánh bạc có hình ảnh trong video clip mà T2 đã ghi lại, để chiếm đoạt tài sản. Lúc này, T2 nghĩ đến Nguyễn Thế T1 – Nguyên phóng viên Đài tiếng nói N khu vực T (trước đây T2 có gặp T1 tại tỉnh N và được T1 cho số điện thoại để liên lạc khi cần) là người có thể giúp được T2 nên T2 đã gọi điện thoại cho T1. T2 nói về video clip quay được cho T1 nghe và muốn cung cấp cho T1 để cưỡng đoạt tài sản của những người này, thì T1 đồng ý.

Khoảng 08 giờ ngày 24/7/2017, T1 và T2 gặp nhau ở quán cà phê H, địa chỉ: Đường D, thành phố B. Tại đây, T2 lấy chiếc điện thoại di động hiệu I Phone 6 của T2 mở 05 đoạn video clip quay cảnh các anh Q, P, B, H, A và Thế A đang tham gia đánh bạc cho T1 xem. Đồng thời, T2 giới thiệu tên, đơn vị công tác của những người có hình ảnh trong video clip cho T1 biết; sau đó T2 chuyển 02 video clip có cảnh anh Q, Thế A đang đánh bạc qua Mesenger của mạng xã hội facebook đến điện thoại di động hiệu Sony Xperia của T1. T1 hỏi T2 *“Nếu chúng nó đưa tiền, bao nhiêu thì trôi được?”*, T2 nói *“Bọn này toàn là những đứa nhiều tiền, anh xem lấy của bọn chúng mỗi clip năm mươi đến bảy mươi triệu gì đó cũng được, có gì báo lại em”*. Sau khi thống nhất với T2 việc tổng tiền thì T2 đi về. Trong thời gian T1 và T2 gặp gỡ, trao đổi thì có anh Phạm Mạnh H chứng kiến, nhưng anh H không rõ nội dung và không tham gia. Ngay sau đó, thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, T1 xin được số điện thoại của anh Q và anh Thế A, rồi gọi điện cho anh Q nói về việc T1 đang có đoạn video clip quay cảnh anh Q đánh bạc và hẹn gặp anh Q để cho Q xem nội dung video clip, mục đích nhằm uy hiếp anh Q chiếm đoạt tiền. Chiều cùng ngày, anh Q đến quán cà phê V, trên đường M, thành phố B gặp T1. Tại đây, T1 cho anh Q xem đoạn video clip quay cảnh anh Q đánh bạc, sau khi xem xong anh Q nói *“Cái này em chơi lâu rồi, giờ không chơi nữa”* và bỏ đi về. T1 tiếp tục gọi điện thoại cho anh Thế A và thông báo việc T1 đang có đoạn video clip quay cảnh Thế A đang đánh bạc, nhưng do đang bận nên anh Thế A không đến gặp T1. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T1 sử dụng điện thoại di động nhắn tin vào số thuê bao di động của anh Q và anh Thế A, nội dung *“Báo cho hai chú biết, ngày mai kiểu gì cũng có các báo qua làm việc với cơ quan hai chú về các clip đánh bạc đó, thông tin sau đó sẽ được đăng báo mạng”*. Mục đích để đe dọa anh Q và anh Thế A phải đưa tiền cho T1, nhưng đợi đến trưa ngày 25/7/2017, không thấy anh Q và Thế A liên lạc lại nên T1 đã đăng đoạn video clip trên lên mạng xã hội facebook, đính kèm nội dung *“Q PC67 và Thế A PCCC tham gia đánh bạc”*. T1 chỉ đăng trong thời gian khoảng 01 giờ đồng hồ rồi gỡ bỏ.

Ngày 26/7/2017, sau khi được T1 thông báo việc anh Q và anh Thế A không chịu đưa tiền, thì T2 hẹn T1 đến quán cà phê D, địa chỉ: Đường T, thành phố B. Tại đây, T2 tiếp tục chuyển qua hệ thống Mesenger vào máy điện thoại di động của T1 02 đoạn video clip có quay cảnh anh A và anh B đang tham gia đánh bạc, để sử dụng uy hiếp chiếm đoạt tiền. Sau đó, cũng thông qua mối quan hệ ngoài xã hội T1 xin được số của A, rồi điện thoại cho anh A thông báo việc T1 đang có video clip quay cảnh anh A đang tham gia đánh bạc và hẹn gặp anh A để giải quyết. Khoảng 09 giờ ngày 26/7/2017, anh A đến quán cà phê V trên đường H, thành phố B gặp T1. T1 cho anh A xem đoạn clip đồng thời nói về nội dung đoạn video clip có quay cảnh anh Q tham gia đánh bạc đã được T1 đăng lên mạng xã hội trước đó để nhằm đe dọa, uy hiếp tinh thần anh A, buộc anh A phải đưa tiền cho T1. Do lo sợ ảnh

hưởng đến danh dự, công việc nên anh A buộc phải đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh A đi đến nhà của T1 và đưa cho T1 số tiền 20.000.000 đồng. Tại nhà T1 thông qua A, T1 liên hệ với anh B và nói cho anh B biết T1 có video clip quay cảnh anh B đang tham gia đánh bạc và yêu cầu anh B đến nhà để gặp T1 giải quyết. Khi anh B đến thì T1 cho anh B xem đoạn clip, rồi uy hiếp buộc anh B phải đưa tiền cho T1, nếu không T1 sẽ sử dụng video clip làm việc với nơi anh B đang công tác và cung cấp cho phóng viên được biết. Vì vậy, anh B buộc phải đồng ý đưa tiền cho T1, nhưng do không mang theo tiền nên đến khoảng 13 giờ cùng ngày, anh B đến nhà T1 và đưa cho T1 số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi anh A, anh B đưa tiền cho T1 thì T1 điện thoại nói cho T2 biết về việc đã lấy được của anh A, anh B tổng số tiền 40.000.000 đồng. T2 nghe vậy thì chê ít và nói T1 yêu cầu anh A, anh B đưa thêm mỗi người 10.000.000 đồng, thì mới đồng ý. Sau đó, T1 liên gọi điện cho anh A, nói anh A và anh B phải đưa thêm mỗi người 10.000.000 đồng, thì T1 mới đồng ý không sử dụng video clip viết bài đăng lên mạng và làm việc với lãnh đạo Cơ quan. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh A và anh B đã buộc phải đi đến gặp T1 tại khu vực đường T, thành phố B và đưa thêm cho T1 tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tổng số tiền 60.000.000 đồng của anh A và anh B, thì T1 báo lại cho T2 biết và hẹn đến gặp T1 để chia tiền. Sáng ngày 27/7/2017, T2 đi đến đầu đường N, thành phố B gặp T1 và được T1 chia cho số tiền 30.000.000 đồng, là tiền chiếm đoạt được của anh A và anh B.

Đến ngày 31/7/2017, T1 và T2 hẹn gặp nhau tại quán cà phê T trên đường H, thành phố B. Tại đây, T2 tiếp tục chuyển qua hệ thống Messenger trên facebook cho T1 01 đoạn video clip có ghi cảnh anh P và anh H đang tham gia đánh bạc. Sau đó, T2 đưa cho T1 số điện thoại của anh P để T1 liên lạc, cả hai thống nhất sử dụng đoạn video clip này để đe dọa, uy hiếp anh P và anh H buộc mỗi người phải đưa cho T1 và T2 số tiền 50.000.000 đồng. Sáng ngày 01/8/2017, T1 gọi điện cho anh P nói về đoạn video clip và hẹn gặp anh P tại quán cà phê V, trên đường H. Tại đây, T1 cho anh P xem đoạn video clip có quay cảnh anh P và anh H tham gia đánh bạc và yêu cầu anh P, anh H mỗi người phải đưa cho T1 số tiền 50.000.000 đồng. Nếu không T1 sẽ đăng đoạn video clip lên mạng. Do lo sợ ảnh hưởng đến công việc nên anh P buộc phải đưa cho T1 số tiền 5.000.000 đồng và xin T1 bỏ qua. T1 nói sẽ xem xét sau và yêu cầu anh P gọi điện thoại cho anh H để T1 nói chuyện. Khi nói chuyện qua điện thoại với anh H, T1 cũng nói về đoạn video clip và yêu cầu anh H phải gặp T1 để giải quyết. Lúc này do anh H đang nghỉ phép ở xa nên hẹn gặp T1 sau. Sáng ngày 03/8/2017, anh H đến gặp T1 tại quán cà phê P trên đường M, thành phố B. Sau khi cho anh H xem đoạn video clip có quay anh H, anh P có tham gia đánh bạc, T1 yêu cầu anh H và anh P mỗi người phải đưa cho T1 50.000.000 đồng, thì T1 mới bỏ qua. Anh H lo sợ ảnh hưởng đến công việc

nhưng do số tiền T1 yêu cầu vượt quá khả năng nên anh H xin anh T1 giảm bớt. T1 đồng ý và yêu cầu anh H, anh P phải đưa cho T1 thêm 45.000.000 đồng và phải đưa liền trong ngày. Sau khi P đi về thì T1 gọi điện thoại báo cho T2 biết. Tuy nhiên, do không lo đủ tiền nên anh H, anh P hẹn T1 đến ngày 04/8/2017 sẽ giao đủ tiền theo yêu cầu của T1. Đến tối ngày 03/8/2017, T2 nghĩ T1 đã chiếm đoạt được tiền của anh H, anh P nên chủ động đến nhà của T1 để chia tiền. T1 nghĩ chắc chắn ngày hôm sau lấy được tiền của anh H, anh P nên đã tự lấy số tiền 20.000.000 đồng, là tiền riêng của T1 để chia trước cho T2. Đến sáng ngày 04/8/2017, T1 tiếp tục gọi điện thoại cho anh P, anh H hối thúc đưa tiền, đồng thời đe dọa, nếu trong ngày không đưa tiền thì T1 sẽ tung đoạn video clip lên mạng xã hội và giao nộp cho lãnh đạo cơ quan. Do liên tục bị T1 thúc ép, đe dọa nên khoảng 18 giờ ngày 04/8/2017 anh P anh H đem tiền đi đến nhà T1, nhưng do trời mưa nên cả hai cùng trú mưa trong khuôn viên B, lúc này T1 gọi điện anh P hối thúc đưa tiền thì được biết P đang trú mưa tại khuôn viên B; do đó T1 một mình điều khiển xe ô tô biển số 81M-20xx đến gặp anh P để lấy tiền. Đến nơi, T1 gọi điện cho anh P phải ra gặp và đưa tiền cho T1; sau khi chiếm đoạt được số tiền 45.000.000 đồng của anh P và H thì trên đường về T1 bị các trinh sát của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang cùng thu giữ tang vật chứng gồm: 01 chiếc xe ô tô hiệu Honda biển số 81M-20xx và số tiền 45.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp tại nhà của Nguyễn Thế T1, tạm giữ: 01 máy tính xách tay hiệu Dell màu xám – bạc và số tiền 4.500.000 đồng; tạm giữ trên người T1 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sony Xperia màu đen, Model E2312; 01 chiếc ví da bên trong có số tiền 2.400.000 đồng, 01 thẻ Nhà báo và 01 thẻ Hội viên hộ Nhà báo đều ghi tên Nguyễn Thế T1.

Khám xét và bắt khẩn cấp tại nơi ở của Hoàng Văn T2, tạm giữ: 01 sổ Hộ chiếu số C01387xx và số tiền 5.000.000 đồng; tạm giữ trên người T2 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, số Imei 359306062248800 và 01 chiếc điện thoại di động ghi hiệu Vertu màu vàng-đen, số Imei 358559021168475.

Tại bản án sơ thẩm số 125/2018/HSST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thế T1, Hoàng Văn T2 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/8/2017.

- Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; các điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 05/8/2017 đến ngày 16/3/2018.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, đã trả: 01 thẻ Nhà báo số PT031xx và 01 thẻ hội viên nhà báo Việt Nam số TP039xx (đều ghi tên Nguyễn Thế T1) cho Cơ quan thường trú Đài tiếng nói N khu vực T nhận quản lý;

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả: 01 chiếc xe ô tô hiện Honda, biển số 81M-20xx, cho anh Đoàn Mạnh H, là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng;

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả cho anh Trần Quang P số tiền 20.000.000 đồng; trả cho anh H số tiền 25.000.000 đồng, là tiền của anh H và anh P do các bị cáo chiếm đoạt;

- Chấp nhận việc chị Lê Thị Bích T (là vợ của bị cáo T1) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Trần Quang P số tiền 5.000.000 đồng và giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

- Chấp nhận việc chị Hoàng Thị T (là vợ của bị cáo T2), đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra tổng số tiền 7.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

- Trả cho anh Bùi Phú A và anh Nguyễn Hiệp B số tiền 4.500.000 đồng là tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của anh A và anh B do Cơ quan điều tra thu giữ;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sony Xperia màu đen Model E2312; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, số Imei 359306062248800 và 01 chiếc điện thoại di động ghi hiệu Vertu màu vàng-đen, số Imei 358549021168475, là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thế T1: 01 chiếc máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell màu xám – bạc, số tiền 2.400.000 đồng và 01 chiếc ví da màu đen; trả cho bị cáo T2: 01 sổ Hộ chiếu số C01387xx, nhưng tiếp tục tạm giữ, để đảm bảo công thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 24/5/2018 và 01/6/2018, các bị cáo Hoàng Văn T2 và Nguyễn Thế T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Lần lượt các ngày 01, 05, 11/6/2018, người bị hại anh Đinh Thanh H, anh Trần Quang P, anh Nguyễn Hiệp B, anh Bùi Phú A kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thế T1.

Ngày 22/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 125/2018/HSST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về biện pháp tư pháp: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị cáo Hoàng Văn T2 nộp lại số tiền 20.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và Bản án hình sự sơ thẩm, cũng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thế T1 và bị cáo Hoàng Văn T2 về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Xét mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T1 là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại toàn bộ số tiền là 15.500.000 đồng và được người bị hại anh Đinh Thanh H, anh Trần Quang P, anh Nguyễn Hiệp B, anh Bùi Phú A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thế T1 và của những người bị hại anh Đinh Thanh H, anh Trần Quang P, anh Nguyễn Hiệp B, anh Bùi Phú A, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T1 02 năm 09 tháng tù.

- Xét mức hình phạt 04 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Văn T2, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 03 năm 09 tháng tù.

- Đối với số tiền 20.000.000 đồng bị cáo T1 đưa cho bị cáo T2 vào tối ngày 03/8/2017, cấp sơ thẩm cho rằng là giao dịch dân sự giữa bị cáo T1 và bị cáo T2 và các bị cáo không có yêu cầu nên không đề cập xử lý là không đúng pháp luật, bởi lẽ: Khi được anh P và anh H chấp nhận đưa 50.000.000 đồng trong đó P đã đưa trước 5.000.000 đồng thì T1 đã thông báo cho T2 biết nội dung trên, nên tối ngày 03/8/2017 T2 mới đến nhà T1 đòi chia tiền để lấy phần của mình. Vì bị cáo T1 tin chắc ngày hôm sau sẽ lấy được 45.000.000 đồng từ H và P nên đã đưa trước cho bị cáo T2 20.000.000 đồng. Như vậy, cả hai đều xác định đây là phần hưởng lợi bất hợp pháp mà bị cáo T2 được hưởng từ số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt của anh P,

anh H. Do vậy, cần buộc bị cáo Hoàng Văn T2 phải nộp lại số tiền 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn T2, Nguyễn Thế T1; của người bị hại anh Đinh Thanh H, anh Trần Quang P, anh Nguyễn Hiệp B, anh Bùi Phú A và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/7/2017 đến 04/8/2017 các bị cáo Nguyễn Thế T1, Hoàng Văn T2 đã cấu kết với nhau thực hiện hành vi cưỡng đoạt tiền của anh Đinh Thanh H, anh Trần Quang P, anh Nguyễn Hiệp B, anh Bùi Phú A một cách liên tục; tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt được là 110.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Văn T2, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá và áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới; nhưng xét mức hình phạt 04 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T2, giảm cho bị cáo T2 một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước ta.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thế T1, thì thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện tiếp tục bồi thường cho người bị hại và được những người bị hại anh Đinh Thanh H, anh Trần Quang P, anh Nguyễn Hiệp B, anh Bùi Phú A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Mặt khác, sau khi phạm tội bị cáo đã thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được Tổng giám đốc Đài tiếng nói N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tặng Bằng khen; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng được Nhà nước trao tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự và có tình tiết giảm nhẹ mới nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thế T1. Đồng thời, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thế T1 của những người bị hại.

[4]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi được các anh Trần Quang P và Đinh Thanh H chấp nhận đưa 50.000.000 đồng theo yêu cầu của bị cáo T1 (trong đó P đã đưa trước 5.000.000 đồng) thì T1 đã thông báo cho T2 biết nội dung trên. Vì bị cáo T1 tin chắc ngày 04/8/2017 sẽ lấy được 45.000.000 đồng từ anh H và anh P nên khi bị cáo T2 đến nhà bị cáo T1 với mục đích chia số tiền chiếm đoạt được của anh H và anh P thì bị cáo T1 đã đưa trước cho bị cáo T2 20.000.000 đồng. Như vậy, cả hai đều xác định đây là phần hưởng lợi bất hợp pháp mà bị cáo T2 được hưởng từ số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt của anh P, anh H. Như vậy, đối với bị cáo T2 thì số tiền 20.000.000 đồng là số tiền do bị cáo phạm tội mà có vì vậy cần truy thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ cần chấp nhận.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn T2, Nguyễn Thế T1 nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn T2, Nguyễn Thế T1 và của những người bị hại anh Đinh Thanh H, anh Trần Quang P, anh Nguyễn Hiệp B, anh Bùi Phú A – Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Hoàng Văn T2, Nguyễn Thế T1.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk – Sửa bản án sơ thẩm về phân biện pháp tư pháp.

[2] - Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo: Hoàng Văn T2 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/8/2017

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; các điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thế T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2017 đến ngày 16/3/2018.

[3] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, đã trả: 01 thẻ Nhà báo số PT031xx và 01 thẻ hội viên nhà báo Việt Nam số TP039xx (đều ghi tên Nguyễn Thế T1) cho Cơ quan thường trú Đài tiếng nói N khu vực T nhận quản lý;

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả: 01 chiếc xe ô tô hiện Honda, biển số 81M-20xx, cho anh Đoàn Mạnh H, là chủ sở hữu hợp pháp nhận quản lý, sử dụng;

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả cho anh Trần Quang P số tiền 20.000.000 đồng; trả cho anh H số tiền 25.000.000 đồng, là tiền của anh H và anh P do các bị cáo chiếm đoạt;

- Chấp nhận việc chị Lê Thị Bích T (là vợ của bị cáo T1) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Trần Quang P số tiền 5.000.000 đồng và giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

- Chấp nhận việc chị Hoàng Thị T (là vợ của bị cáo T2), đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra tổng số tiền 7.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

- Trả cho anh Bùi Phú A và anh Nguyễn Hiệp B số tiền 4.500.000 đồng là tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của anh A và anh B do Cơ quan điều tra thu giữ;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sony Xperia màu đen Model E2312; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, số Imei

359306062248800 và 01 chiếc điện thoại di động ghi hiệu Vertu màu vàng-đen, số Imei 358559021168475, là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thế T1: 01 chiếc máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell màu xám – bạc, số tiền 2.400.000 đồng và 01 chiếc ví da màu đen; trả cho bị cáo T2: 01 sổ Hộ chiếu số C01387xx, nhưng tiếp tục tạm giữ, để đảm bảo công thi hành án.

- Buộc bị cáo Hoàng Văn T2 phải nộp lại số tiền 20.000.000 đồng là số tiền mà bị cáo phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

[4] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn T2 và bị cáo Nguyễn Thế T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Cơ quan THAHS thành phố B;
- CC THA DS thành phố B;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung